TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 129/2025/QĐST-HNGĐ	*G, ngày 24 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 126/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Lê Thị Thu A** – Sinh ngày: 20/8/1994; nơi cư trú: Thôn C, xã E, huyện G, tỉnh H.

CCCD số: 052194014154; ngày cấp: 28/6/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- *Bị đơn*: Anh **Bùi Như B** – Sinh ngày: 11/5/1994; nơi cư trú: Thôn F, xã E, huyện G, tỉnh H.

CCCD số: 052094012198; ngày cấp: 11/01/2023; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 317 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thu A và anh Bùi Như B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Thu A và anh Bùi Như B thuận tình ly hôn.

2.2. *Về quan hệ con chung*: Chị Lê Thị Thu A và anh Bùi Như B thống nhất có 01 con chung tên: Bùi Phúc P, sinh ngày 15/6/2021, hiện nay cháu Huy đang sống với chị Lê Thị Thu A. Khi ly hôn, chị Lê Thị Thu A và anh Bùi Như B thống nhất giao cháu Bùi Phúc P, sinh ngày 15/6/2021 cho chị Lê Thị Thu A tiếp tục nuôi dưỡng.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

2.3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh Bùi Như B cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 7 năm 2025 cho đến khi cháu Bùi Phúc P trưởng thành (tròn 18 tuổi).

2.4. *Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung*: Chị Lê Thị Thu A và anh Bùi Như B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. *Về án phí HNST*: Chị Lê Thị Thu A tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) sung ngân sách Nhà nước. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Như B tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) sung ngân sách Nhà nước, chị A tự nguyện chịu thay anh B và anh B đồng ý. Chị Lê Thị Thu A đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005418 ngày 16/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nay được khấu trừ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Phòng Thanh tra, Kiểm tra và Thi hành án TAND tỉnh H;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã E, huyện G;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

Cao Văn Đ